

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 29-5-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đoàn Tụ

Bà Hoàng Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thùy Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Ngọc S**

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 06/02/1972 tại T, N, Cao Bằng.

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố x** (nay là tổ dân phố y), thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ học vấn: 10/10

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1937, nghề nghiệp: Hưu trí.

Trú tại: **Tổ dân phố x** (nay là tổ dân phố y), thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng

Con bà Nguyễn Thị C (Đã chết).

Vợ: Nông Thị Minh H, sinh năm 1976, nghề nghiệp: Giáo viên

Trú tại: **Tổ dân phố x** (nay là tổ dân phố y), thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Con: Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001.

Anh chị em: Bị cáo có 06 anh, chị em, bị cáo là con út.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 26/2013/HSST ngày 27/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trịnh Quang T1**

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 01/10/1976 tại T, N, Cao Bằng.

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố t** (nay là tổ dân phố y), thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng).

Nghề nghiệp: Không

Trình độ học vấn: 12/12

Dân tộc: Tày; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Trịnh Văn K, sinh năm 1942, nghề nghiệp: Hưu trí

Con bà Hoàng Thị D, sinh năm 1945, nghề nghiệp: Hưu trí

Ông K, bà D cùng trú tại tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Vợ: Lý Thị Thanh H1 (đã ly hôn tháng 5/2020)

Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013.

Anh chị em: Bị cáo có 03 chị em. Bị cáo là con út.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi liên quan:*

Bà Nông Thị Minh H, sinh năm 1976

Trú tại: Tổ dân phố y, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người làm chứng:

+ Ông **Nông Thanh H2**, sinh năm 1968

Trú tại: Tổ dân phố 10 (nay là tổ dân phố 4), thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

+ Ông Nhan Văn T2, sinh năm 1964

Trú tại: Tổ dân phố x (nay là tổ dân phố y), thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

+ Ông Lý Ngọc T3, sinh năm 1975

Trú tại: Tổ dân phố 4 (nay là tổ dân phố 2), thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt.

+ Ông Vũ Xuân Q, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ dân phố y (nay là tổ dân phố 1), thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/01/2020, đội Điều tra tổng hợp Công an huyện Nguyên Bình phát hiện và bắt quả tang đối tượng Nông Thanh H2, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng Đng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ được là 01 gói nhỏ được gói bằng giấy màu trắng, bên trong có chất bột màu trắng nghi là Heroine, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG và 60.000,đ tiền mặt.

Qua khai thác nhanh, H2 khai nhận gói chất bột màu trắng trên là Heroine, H2 vừa mua với một người đàn ông tên Trịnh Quang T1 nhà ở tổ dân phố t thị trấn T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình đã ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trịnh Quang T1, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố t, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Qua khám xét, tổ công tác phát hiện và thu giữ:

- 01 gói giấy màu trắng, bên trong có các cục chất bột màu trắng nghi là Heroin tại chân giường ngủ của T1;

- 01 gói giấy nilon màu đỏ, bên trong có cục chất bột màu trắng và 01 gói giấy trắng bên trong có chất bột màu trắng nghi là Heroine ở túi áo ngực (phía trong) bên phải áo khoác T1 đang mặc.

- 01 điện thoại di động và 100.000,đ tiền mặt.

Qua khai thác nhanh Trịnh Quang T1 khai nhận, số chất bột màu trắng trên là Heroine, T1 mua với một người đàn ông có tên gọi là S Đ, trú tại tổ 9 thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình đã ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trần Ngọc S (hay gọi là S Đ), sinh năm 1972, trú tại tổ dân phố x, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Qua khám xét, tổ công tác phát hiện và thu giữ:

- Trong ngăn kéo của kệ tivi 01 gói giấy nilon màu trắng, bên ngoài được quấn bằng dây nịt màu vàng, bên trong có các cục bột màu trắng nghi là Heroine; 03 gói giấy nhiều màu sắc bên trong có chất bột màu trắng nghi là Heroine; 01 gói nilon màu đỏ, bên trong có các cục chất bột màu trắng nghi là Heroine.

- Dưới đầu bắt sóng tivi đặt ở trên mặt kệ tivi 01 gói nilon màu đen, bên trong có chất bột màu trắng nghi là Heroine.

- Trên bàn uống nước 02 chiếc điện thoại di động;

- Trong túi áo da màu đen, đằng trước, bên phải S Đng mặc một ví da bên trong có 3.770.000,đ.

Ngày 02/01/2020 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Nguyên Bình phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đưa các đối tượng Nông Thanh H2, Trịnh Quang T1, Trần Ngọc S ra phòng PC09 - Công an tỉnh Cao Bằng để mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu giám định. Kết quả như sau:

- Số vật chứng là chất bột màu trắng thu giữ của Nông Thanh H2 có khối lượng 0,0158 gam;

- Số vật chứng là chất bột màu trắng thu giữ của Trịnh Quang T1 có khối lượng 0,3273 gam;

- Số vật chứng là chất bột màu trắng thu giữ của Trần Ngọc S có khối lượng 10,2246 gam.

Tại các bản Kết luận giám định số 32/GĐMT ngày 13/01/2020 đối với mẫu gửi giám định của Nông Thanh H2; số 34/GĐMT ngày 13/01/2020 đối với mẫu gửi giám định của Trịnh Quang T1; số 35/GĐMT ngày 15/01/2020 đối với mẫu gửi giám định của Trần Ngọc S kết luận: “Chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine”.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/01/2020,Trịnh Quang T1 đi bộ đến nhà của Trần Ngọc S ở tổ 9 thị trấn T để mua ma túy. S bán cho T1 một gói ma túy với giá 300.000,đ. Sau khi mua được ma túy, T1 đi về nhà chia thành 04 gói nhỏ với mục đích sử dụng cho bản thân và bán lại kiếm lời. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Nông Thanh H2 trú tại tổ dân phố 10 thị trấn T đến hỏi mua ma túy với T1. T1 bán cho H2 một gói với giá 100.000,đ, trên đường về nhà thì H2 bị cơ quan chức năng bắt quả tang Đng tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngoài bán ma túy cho H2, T1 khai nhận còn được bán ma túy cho các đối tượng nghiện khác nhiều lần từ ngày 27/12/2019, cụ thể: bán cho Vũ Xuân Q trú tại tổ dân phố y thị trấn T 03 lần, mỗi lần 100.000,đ. Bán cho Lý Ngọc T3 trú tại tổ dân phố t thị trấn T 03 lần, mỗi lần 100.000,đ. Các đối tượng nghiện gọi điện trước cho T1 để trao đổi về việc mua bán ma túy. Địa điểm mua bán là ở chân cầu thang đường lên nhà trẻ số 1 hoặc bán trực tiếp tại nhà của T1.

Trần Ngọc S vừa chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương đầu năm 2019. S là đối tượng nghiện ma túy nặng, không có việc làm ổn định. Để có tiền sử dụng ma túy S mua ma túy về bán lại cho các đối tượng nghiện để kiếm lời đồng thời sử dụng cho bản thân. S được bán ma túy nhiều lần cho nhiều người, cụ thể: Bán cho Trịnh Quang T1 hai lần, một lần 300.000,đ và một lần 500.000,đ. Bán cho Nhan Văn T2 hai lần, một lần 200.000,đ và một lần 300.000,đ. T1 và T2 trực tiếp đến nhà S để trao đổi mua bán ma túy.

Nông Thanh H2 là đối tượng nghiện ma túy, H2 mua ma túy với Trịnh Quang T1 nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, khối lượng ma túy thu giữ được của H2 trong quá trình bắt quả tang là 0,0158 gam chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên Công an huyện Nguyên Bình đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nông T1 H2 theo Quyết định số 08/QĐ-VPHC ngày 20/01/2020 và giao H2 cho chính quyền thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng để theo dõi, quản lý, giáo dục tại địa phương.

Những người nghiện ma túy là Nhan Văn T2, Lý Ngọc T3, Vũ Xuân Q khai nhận được mua ma túy với T1 và S nhưng không bắt được quả tang họ tàng trữ hoặc sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ để xử lý, truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người đàn ông S khai mua ma túy với tên Hồng, qua xác minh người đàn ông đó có tên gọi đầy đủ là Lục Minh Hồng, sinh năm 1967, trú tại tổ 01 thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, Lục Minh Hồng không thừa nhận việc bán ma túy cho S. Cơ quan điều tra cũng không phát hiện chứng cứ chứng minh Hồng bán ma túy cho S nên không có căn cứ để xử lý Lục Minh Hồng.

Đối với số vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp các đối tượng qua điều tra xác định:

Vật chứng thu giữ của Trần Ngọc S:

- 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, ốp đằng sau màu trắng, nhãn hiệu Iphone, có số IMEI1: 354446063645870, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại nằm hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG có số IMEI1: 355234563646708, số IMEI 2: 233234563646716, điện thoại cũ đã qua sử dụng là điện thoại của S. S sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến việc mua bán ma túy;

- Số tiền 3.770.000,đ bao gồm 3.000.000,đ là tiền của bị cáo và 770.000,đ là tiền do bị cáo bán ma túy mà có.

- 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng là của bị cáo S, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Vật chứng thu giữ của Trịnh Quang T1:

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng đồng, nhãn hiệu itel, có số IMEI1: 358175082487586, điện thoại cũ đã qua sử dụng là của T1. T1 sử dụng để liên lạc cá nhân và trao đổi mua bán ma túy.

- Số tiền 100.000,đ do T1 bán ma túy mà có.

Những vật chứng thu giữ trong quá trình bắt quả tang đối với Nông Thanh H2 cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho H2 theo Biên bản số 82/BB-TLGTTPVT ngày 25/02/2020 do hành vi của H2 chưa cấu thành tội phạm và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS NB ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Trần Ngọc S về tội

Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Trịnh Quang T1 về tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Về tội danh: Căn cứ Điều 251 của Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S và Trịnh Quang T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Về hình phạt: Căn cứ điểm b, i, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 10 (Mười) năm đến 12 (Mười hai) năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Quang T1 từ 07 (Bảy) năm đến 08 (Tám) năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý:

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong vật chứng thu giữ của các đối tượng Trần Ngọc S và Trịnh Quang T1 là vật Nhà nước cấm lưu hành;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.770.000,đ là tiền bị cáo S bán ma túy mà có;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000,đ là tiền bị cáo T1 bán ma túy mà có;

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di màn hình cảm ứng màu vàng đồng, nhãn hiệu itel, có số IMEI1: 358175082487586 do T1 dùng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy.

- Trả lại cho bị cáo S 01 ví da màu nâu;

- Trả lại cho bị cáo S 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, ốp lưng sau màu trắng, nhãn hiệu Iphone, có số IMEI1: 354446063645870, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG có số IMEI1: 355234563646708, số IMEI 2: 233234563646716, điện thoại cũ đã qua sử dụng do không liên quan đến việc mua bán ma túy;

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi liên quan bà Nông Thị Minh H khai nhận không được đưa số tiền 3.000.000,đ cho bị cáo S.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người làm chứng,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Ngọc S và Trịnh Quang T1 không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo S khai, năm 2019 sau khi chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, bị cáo tiếp tục tái nghiện. Do không có việc làm ổn định, không có tiền để sử dụng ma túy nên từ tháng 12 năm 2019 bị cáo mua ma túy với một người đàn ông tên Hồng ở công lò phê rô để bán lại cho các đối tượng nghiện và sử dụng cho bản thân. Hình thức mua bán là trao đổi trực tiếp, địa điểm mua bán ngay tại nhà của bị cáo tại tổ dân phố x, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Khi các đối tượng nghiện có nhu cầu mua ma túy thì đến nhà bị cáo để trao đổi mua bán ma túy. Bị cáo bán ma túy nhiều lần, cho nhiều người. Cụ thể: Bán cho Trịnh Quang T1 hai lần, bán cho Nhan Văn T2 hai lần. Số ma túy thu giữ của bị cáo có khối lượng là 10,2246 gam. Năm 2013 bị cáo bị kết án 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 2 Điều 194 của bộ luật Hình sự là tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý. Bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự là tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo S đã phạm vào các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T1 khai do nghiện ma túy nên từ tháng 12 năm 2019, bị cáo mua ma túy với S để sử dụng cho bản thân và bán lại kiếm lời. Bị cáo bán nhiều lần cho nhiều người khác nhau. Cụ thể, bán cho Nông Thanh H2 hai lần, bán cho Lý Ngọc T3 ba lần, bán cho Vũ Xuân Q ba lần. Bị cáo bán ma túy mỗi lần 100.000,đ. Hình thức mua bán trực tiếp. Địa điểm mua bán là ở chân cầu thang đường lên nhà trẻ số 1 hoặc bán trực tiếp tại nhà. Khi các con nghiện có nhu cầu mua ma túy thì gọi điện trao đổi trước với bị cáo sau đó đến địa điểm hẹn sẵn để mua bán ma túy. Như vậy, hành vi của bị cáo T1 đã phạm vào điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/01/2020, các Biên bản khám xét ngày 01/01/2020, các bản Kết luận giám định số 32/GĐMT ngày 13/01/2020; số 34/GĐMT ngày 13/01/2020; số 35/GĐMT ngày 15/01/2020, phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu

giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình truy tố bị cáo Trần Ngọc S về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Trịnh Quang T1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân của các bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo S có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù theo Bản án số 26/2013/HSST ngày 27/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo được cải tạo, được giáo dục, tuyên truyền về chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo nhận thức rõ sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà sau khi chấp hành án xong tiếp tục tái nghiện dẫn đến hành vi phạm tội. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, bị cáo có bố là ông Trần Văn Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến do đó cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T1 không có tiền án, tiền sự nhưng nghiện ma túy, là người có thân xấu. Bị cáo từng được huấn luyện trong quân đội và được nhân dân tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T. Bị cáo là đảng viên và nhận thức rõ hành vi sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm. Bị cáo từng tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước nhưng chính bản thân bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà sa vào con đường nghiện hút dẫn đến hành vi phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, bị cáo có bố là ông Trịnh Văn K được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang và Huân chương kháng chiến, có mẹ là bà Hoàng Thị D được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bản thân bị cáo trong quá trình công tác cũng có nhiều thành tích và được tặng Bằng khen. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, trực tiếp làm gia tăng tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự, gây xôn xao dư luận, khiến quần chúng nhân dân bất bình, lên án. Căn cứ hành vi phạm tội, các tình tiết định khung và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng thu giữ được của đối tượng Trịnh Quang T1, tại tổ dân phố t thị trấn T, N, Cao Bằng, ngày 01/01/2020” mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nguyên Bình, Cao Bằng là vật Nhà nước cấm lưu hành.

+ 01 phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng thu giữ được của đối tượng Trần Ngọc S, tại tổ dân phố x, thị trấn T, N, Cao Bằng, ngày 01/01/2020” mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nguyên Bình, Cao Bằng là vật Nhà nước cấm lưu hành.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di màn hình cảm ứng màu vàng đồng, nhãn hiệu itel, có số IMEI1: 358175082487586 thu giữ của Trịnh Quang T1 do bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000,đ thu giữ của Trịnh Quang T1 do bị cáo bán ma túy mà có.

- Trả lại cho bị cáo S 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, ốp đằng sau màu trắng, nhãn hiệu Iphone, có số IMEI1: 354446063645870 điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG có số IMEI1: 355234563646708, số IMEI 2: 233234563646716, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 ví da màu nâu.

- Đối với số tiền 3.770.000,đ thu giữ của bị cáo S, Kiểm sát viên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước do đây là tiền bị cáo bán ma túy mà có. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai 770.000, đ là tiền bị cáo bán ma túy, còn 3.000.000,đ là tiền vợ bị cáo đưa cho. Bà H khai không được đưa tiền cho bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa chỉ chứng minh được bị cáo bán ma túy cho T1 hai lần, bán ma túy cho T2 hai lần với tổng số tiền bán ma túy là 1.300.00,đ, bị cáo đã tiêu dùng cá nhân còn lại 770.000,đ. Không chứng minh được số tiền 3.000.000,đ là bị cáo bán ma túy. Do đó, cần truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.300.000,đ và trả lại cho bị cáo số tiền 2.740.000,đ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S và Trịnh Quang T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 01/01/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Quang T1 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 01/01/2020.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng thu giữ được của đối tượng Trịnh Quang T1, tại tổ dân phố t thị trấn T, N, Cao Bằng, ngày 01/01/2020” mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nguyên Bình, Cao Bằng.

+ 01 phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng thu giữ được của đối tượng Trần Ngọc S, tại tổ dân phố x, thị trấn T, N, Cao Bằng, ngày 01/01/2020” mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nguyên Bình, Cao Bằng.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di màn hình cảm ứng màu vàng đồng, nhãn hiệu itel, có số IMEI1: 358175082487586 thu giữ của Trịnh Quang T1.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.300.000,đ thu giữ của Trần Ngọc S;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000,đ thu giữ của Trịnh Quang T1;

- Trả lại cho bị cáo S số tiền 2.470.000,đ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

- Trả lại cho bị cáo S 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, ốp đằng sau màu trắng, nhãn hiệu Iphone, có số IMEI1: 354446063645870 điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG có số IMEI1: 355234563646708, số IMEI 2: 233234563646716, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 ví da màu nâu.

Số vật chứng trên đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 10 ngày 24/4/2020.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Quang T1 mỗi người phải chịu 200.000,đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi liên quan. Báo quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Mã Nguyệt Thu